

Số: 815/QĐ-PAS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt E-HSMT

Gói thầu GT01.NTVP: Cung cấp nội thất văn phòng
Dự toán mua sắm thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ
số 1212/TTTS ngày 12/12/2022

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur TP. HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 26/04/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-PAS ngày 06/05/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ và các quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ bổ sung;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-PAS ngày 31/07/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự toán mua sắm Thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-PAS ngày 05/08/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập tổ Chuyên gia cho các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022;

Căn cứ Biên bản xây dựng E-HSMT số 02.671/BB-TCG ngày 28/8/2024 của tổ chuyên gia về việc xây dựng E-HSMT gói thầu GT01.NTVP: cung cấp nội thất văn phòng thuộc dự toán mua sắm Thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-PAS ngày 05/08/2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Tổ Thẩm định cho các gói thầu thuộc Dự toán mua sắm thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022;

Căn cứ Báo cáo thẩm định E-HSMT số 01.672/BCT E-HSMT ngày 06/9/2024 của Tổ Thẩm định cho gói thầu GT01.NTVP “Cung cấp nội thất văn phòng” thuộc dự toán mua sắm thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Hành chính Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT gói thầu GT01.NTVP “Cung cấp nội thất văn phòng” thuộc dự toán mua sắm thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022. Chi tiết theo E-HSMT đính kèm.

Điều 2. Căn cứ nội dung E-HSMT đã được phê duyệt tại Điều 1, Phòng Hành chính Quản trị phối hợp với Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy trình đấu thầu và theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Phòng Hành chính Quản trị, Tổ Chuyên gia, Tổ Thẩm định và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /h

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo)
- Lưu: VT, HCQT. ✓

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Trung

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT

IB2400314265-00

Tên gói thầu

GT01.NTVP: Cung cấp nội thất văn phòng

Dự án/dự toán mua sắm

Dự toán mua sắm: Thiết bị và nội thất văn phòng
theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày
12/12/2022

Phát hành ngày

09/12/2024

Ban hành kèm theo quyết định

815164 - PAS

MỤC LỤC

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1

Tên Chủ đầu tư: VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

E-CDNT 1.2

Tên gói thầu: GT01.NTVP: Cung cấp nội thất văn phòng

Tên dự án/dự toán mua sắm: Dự toán mua sắm: Thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022

E-CDNT 3

Nguồn vốn: Tài trợ (theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022)

E-CDNT 5.1 (c)

Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:

Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:

- Chủ đầu tư: VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH. Địa chỉ chủ đầu tư: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- Bên mời thầu: VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH. Địa chỉ bên mời thầu: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Trừ trường hợp: (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên.

Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một

Chương IV: BIỂU MẪU MỜI THẦU

Mẫu số 01A – Phạm vi cung cấp hàng hóa

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽³⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất ^[ghi số] <small>ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</small>	Ngày giao hàng muộn nhất ^[ghi số] <small>ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</small>
1	Bàn làm việc	Bộ	4	Theo quy định tại Chương V		Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	1 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Bàn họp	Cái	1	Theo quy định tại Chương V		Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	1 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽²⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽³⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất ^(ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần)	Ngày giao hàng muộn nhất ^(ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần)
3	Ghế ngồi làm việc	Cái	4	Theo quy định tại Chương V		Minh	1 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Ghế ngồi họp	Cái	8	Theo quy định tại Chương V		Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	1 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
5	Tủ đựng hồ sơ	Cái	2	Theo quy định tại Chương V		Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	1 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Ghi chú:

Việc áp dụng mua hàng hóa từ nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực được tham dự thầu.

E-CDNT 7.5

Hội nghị tiền đấu thầu: Không

E-CDNT 8

Chi phí nộp E-HSDT: 220.000 VND

E-CDNT 10.8

Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không áp dụng.

E-CDNT 12.1

Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

E-CDNT 13.5

Chào giá: Theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV.

E-CDNT 15.8

Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế) : 3 năm.

E-CDNT 16.2

Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Không yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

E-CDNT 17.1

Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

E-CDNT 18.2

Nội dung bảo đảm dự thầu

Giá trị bảo đảm dự thầu: 1.000.000 VND

ĐỐI VỚI NHÀ THẦU CÓ TÊN TRONG DANH SÁCH NHÀ THẦU CÓ CÁC HÀNH VI QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 18 CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2024/NĐ-CP VÀ ĐƯỢC ĐĂNG TẢI TRÊN HỆ THỐNG MẠNG ĐẦU THẦU QUỐC GIA PHẢI THỰC HIỆN PHÁP BẢO ĐẢM DỰ THẦU VỚI GIÁ TRỊ GẤP 03 LẦN GIÁ TRỊ YÊU CẦU NÊU TRÊN TRONG THỜI HẠN 02 NĂM KỂ TỪ LẦN CUỐI CỦA VIỆC THỰC HIỆN CÁC HÀNH VI NÀY. TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU LIÊN DANH, THÀNH VIÊN LIÊN DANH CÓ CÁC HÀNH VI QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 18 CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2024/NĐ-CP NÊN TRÊN PHẢI THỰC HIỆN PHÁP BẢO ĐẢM DỰ THẦU VỚI GIÁ TRỊ GẤP 03 LẦN GIÁ TRỊ BẢO ĐẢM DỰ THẦU TƯƠNG ỨNG VỚI TỶ LỆ GIÁ TRỊ CÔNG VIỆC THÀNH VIÊN ĐÓ ĐẢM NHẬN TRONG LIÊN DANH TRONG THỜI HẠN 02 NĂM KỂ TỪ LẦN CUỐI CỦA VIỆC THỰC HIỆN HÀNH VI NÀY.

- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày.

E-CDNT 18.4

Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

E-CDNT 27.2

Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu

E-CDNT 28.4

Cách tính ưu đãi:

a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng

ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP NHÀ THẦU CHÀO HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ VIỆT NAM CÓ TỶ LỆ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC DƯỚI 50% MÀ CƠ SỞ SẢN XUẤT CÓ TỪ 50% LAO ĐỘNG LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT, THƯƠNG BINH, DÂN TỘC THIỂU SỐ CÓ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VỚI THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TỪ 03 THÁNG TRỞ

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các nội dung đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa		
Đáp ứng đầy đủ hoặc tốt hơn theo yêu cầu của E-HSMT nêu tại Chương V của E-HSMT Tài liệu minh chứng: - Cam kết đáp ứng đầy đủ hoặc tốt hơn theo yêu cầu của E-HSMT nêu tại Chương V của E-HSMT. - Catalogue hoặc tài liệu minh chứng tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có). (Các tài liệu này là một phần của E-HSDT)	Nội dung đề xuất đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
- Hàng hóa dự thầu phải được cung cấp đủ các thông tin theo quy định tại Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa dự thầu - Cam kết hàng hóa dự thầu mới 100%, chưa qua sử dụng. (Các tài liệu trên là một phần của E-HSDT)	Nội dung đề xuất đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
Nhà thầu phải có thuyết minh các nội dung: - Mô tả biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt, bàn giao hàng hóa trong gói thầu. - Mô tả phương án thi công, lắp đặt và biện pháp bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường. (các Tài liệu này là một phần của E-HSDT)	Trình bày chi tiết, đầy đủ	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu nêu trên	Không đạt
3. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Nhà thầu đề xuất tiến độ cung ứng hàng hóa đáp ứng với yêu cầu tại mẫu số 1A của E-HSMT	Nội dung đề xuất đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

Nội dung đánh giá		Tiêu chuẩn đánh giá (Đạt/Không đạt)
Tài liệu chứng minh Bảng tiến độ cung cấp theo mẫu số 10A		
4. Bảo hành (Chỉ áp dụng trong thời gian bảo hành hàng hóa)		
Hàng hóa dự thầu phải có thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, đồng thời nhà thầu phải có kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh cho nội dung này, gồm: - Cam kết của nhà thầu về thời gian bảo hành của hàng hóa. - Cam kết cung cấp dịch vụ bảo hành hàng hóa. - Cam kết trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải đảm bảo tiến hành thay mới nếu có các linh kiện hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất nhưng không thể sửa chữa, khắc phục. (Các tài liệu này là một phần của E-HSDT)	Nội dung đề xuất đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
5. Khả năng thích ứng với địa lý và môi trường		
Hàng hóa dự thầu thích ứng tốt với môi trường nhiệt đới ở Việt Nam, đặc biệt khả năng chống ẩm tốt. Tài liệu minh chứng: Cam kết hàng hóa dự thầu thích ứng tốt với môi trường nhiệt đới ở Việt Nam (Tài liệu này là một phần của E-HSDT)	Nội dung đề xuất đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nội dung đề xuất không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Kết luận		Đạt/ Không đạt

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.1. Giới thiệu chung về gói thầu:

- + Tên gói thầu: GI01.NTVP: Cung cấp nội thất văn phòng.
- + Tên dự toán mua sắm: Thiết bị và nội thất văn phòng theo Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022.
- + Địa điểm cung cấp: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Nguồn vốn: Tài trợ (Hợp đồng tài trợ số 1212/TTTS ngày 12/12/2022)
- + Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng.
- + Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- + Loại hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bàn làm việc	<ul style="list-style-type: none">- Kiểu dáng tham khảo bàn mã DT026 DOCHI Office- Kích thước: Bàn 80*200 cao 75cm Tủ dài 40*140 cao 65 cm- Chất liệu: + Chân bàn khung chân gỗ MDF phủ Melamine có đế tăng chỉnh bằng cao su + Mặt bàn: mặt ván MDF dày 18mm phủ melamine- Màu sắc: gỗ đỏ- Bảo hành: ≥ 12 tháng.
2	Bàn họp	<ul style="list-style-type: none">- Kiểu dáng tham khảo bàn mã MT008 DOCHI Office- Kích thước: 120*480 cao 75cm- Chất liệu: + Mặt bàn: mặt ván MDF dày 18mm phủ melamine + Chân bàn bằng sắt MDF phủ Melamine bền bỉ, chắc chắn.-Màu sắc: gỗ đỏ, chân màu đen- Bảo hành: ≥ 12 tháng.
3	Ghế ngồi làm việc	<ul style="list-style-type: none">- Kiểu dáng tham khảo ghế xoay có tựa đầu mã GXD001 DOCHI Office- Khung ghế nhựa, tựa lưng khung nhựa;- Đệm ngồi, lưng ốp lưới và tựa đầu (có gối);- Chân kim loại có bánh xe và xoay 360 độ;- Màu sắc: màu đen;- Bảo hành: ≥ 12 tháng.

STT	Tên dịch vụ	Yêu cầu kỹ thuật
4	Ghế ngồi họp	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng tham khảo ghế chân quỳ mã GQ004 DOCHI Office - Khung ghế, tựa lưng khung thép sơn tĩnh điện sơn tĩnh điện hoặc inox; - Đệm ngồi, lưng ốp lưới; - Màu sắc: màu đen - Bảo hành: \geq 12 tháng
5	Tủ đựng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng tham khảo tủ tài liệu mã CBN020 DOCHI Office - Chất liệu: gỗ MDF phủ Melamine có khả năng chịu lực, chống cong vênh - Kích thước: 40*320 cao 200cm - Màu sắc: gỗ đỏ - Bảo hành: \geq 12 tháng

*** Giải thích từ ngữ “Kiểu dáng tham khảo” :**

Từ ngữ "**Kiểu dáng tham khảo**" trình bày trong hồ sơ mời thầu này được hiểu rằng nhà thầu có thể chọn bất kỳ chủng loại hàng hóa nào nhưng phải có kiểu dáng (*bao gồm: công năng và chất liệu*) bằng hoặc cao hơn so với hàng hóa nêu trong hồ sơ mời thầu.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Bên mời thầu có quyền yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

- + Địa điểm: Tại đơn vị sử dụng.
- + Thời gian: do các bên thỏa thuận;
- + Nội dung kiểm tra: kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;
- + Chi phí tổ chức thực hiện: do nhà thầu chi trả.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

hcqt_xdcb.pas_Quan tri_10/09/2024 10:29:36

E-ĐKC 1.1

Chủ đầu tư là: VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0301225896

Số tài khoản:

Điện thoại:

Số Fax:

Email:

Đại diện ủy quyền (nếu có):

E-ĐKC 1.3

Nhà thầu:

E-ĐKC 1.11

Địa điểm dự án: 167 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

E-ĐKC 2.2 (i)

Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:

E-ĐKC 4.1

Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:

Người nhận: Phạm Quốc Huy

Địa chỉ: 167 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0908410188

Số fax:

Địa chỉ email: huyppq@pasteurhcm.edu.vn

E-ĐKC 5.2

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5 % giá hợp đồng

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đàm thực hiện hợp đồng có hiệu lực cho đến: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

E-ĐKC 5.4

Thời hạn hoàn trả đảm bảo thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 ngày từ khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng

E-ĐKC 6.1

Danh sách nhà thầu phụ:

E-ĐKC 7.2

hcqt_xdcb.pas_Quan tri_10/09/2024 10:29:36

Thời gian để tiến hành hòa giải: 30

Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa để xử lý theo qui định của pháp luật theo các quy tắc của Việt Nam. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên

E-ĐKC 9

Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây: Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản nghiệm thu, phiếu bảo hành của nhà thầu hoặc của nhà sản xuất (nếu có)

Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

E-ĐKC 11.1

Loại hợp đồng: Trọn gói

E-ĐKC 11.2

Giá hợp đồng: Cố định

E-ĐKC 12.3

Điều chỉnh thuế: Được phép

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng

E-ĐKC 13.1

Tam ứng: Không tạm ứng

E-ĐKC 14.2

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

E-ĐKC 18.2

Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi sản xuất đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi sản xuất đến địa điểm giao hàng quy định

E-ĐKC 19

Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho hàng hóa phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với các điều kiện thương mại được áp dụng

E-ĐKC 20.1

Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng

E-ĐKC 20.2

Các dịch vụ bao gồm:

Không áp dụng

hcqt_xdcb_pas_Quan tri_10/09/2024 10:29:38

E-ĐKC 21.1

Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: Các bên sẽ tiến hành nghiệm thu hàng hóa theo tiến độ lắp đặt và tiến hành các kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu tại Chương V

E-ĐKC 21.2

Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Địa điểm lắp đặt

E-ĐKC 22

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

Trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế

E-ĐKC 23.3

Thời hạn bảo hành là: 12 tháng

Địa điểm để áp dụng bảo hành là:

Tại địa điểm lắp đặt

E-ĐKC 23.5, E-ĐKC 23.6

Thời hạn sửa chữa, thay thế là: 3 ngày

E-ĐKC 27.7(d)

Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng

hcqt_xdcbp
Quan tri_10/09/2024 10:29:36

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015);

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-ĐKCT của hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. E-HSDT và các văn bản làm E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng

cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 14.2 E-ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: theo điều kiện tại E-ĐKCT.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, Chủ đầu tư giữ __ bộ, nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng quy định tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

hcqt_xdcb.pas - Quan
05/02/2024 10:29:33